

BIẾN ĐỔI CẤU TRÚC XÃ HỘI NHÌN TỪ GÓC ĐỘ XÃ HỘI HỌC

✍ GS. TS LÊ NGỌC HÙNG*

1. Thuyết mâu thuẫn về giai cấp: biến đổi cấu trúc xã hội - giai cấp của loài người trước thế kỷ XX

Thuyết mâu thuẫn của Marx

Lenin là người đầu tiên trên thế giới gọi Marx là nhà xã hội học vĩ đại và chỉ ra công lao của Marx trong việc xây dựng, phát triển xã hội học khách quan, xã hội học duy vật biện chứng¹. Sau Lenin, các nhà xã hội học khắp nơi trên thế giới đều coi chủ nghĩa duy vật lịch sử, lý thuyết xã hội học của Marx là nền tảng của chủ thuyết mâu thuẫn (conflict theory, thuyết xung đột)².

Trước khi Marx và Engels đưa ra chủ nghĩa duy vật lịch sử giải thích sự biến đổi xã hội nói chung và biến đổi cấu trúc xã hội nói riêng đã có một số nhà khoa học Pháp đưa ra các quan niệm về sự biến đổi xã hội. Đó là quan niệm của Claudí Henri Saint-Simon (1760-1825), Charles Fourier (1772-1837) nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng và August Comte (1798 - 1857) nhà triết học thực chứng. Theo Fourier tiến trình lịch sử xã hội bao gồm bốn giai đoạn phát triển lần lượt là: (i) Giai đoạn mông muội, (ii) Giai đoạn gia trưởng, (iii) giai đoạn dã man, (iv) giai đoạn văn minh tương ứng với xã hội tư sản với rất nhiều mâu thuẫn và luẩn quẩn như “sự nghèo khổ sinh ra từ chính bản thân sự dồi dào”³. Kế thừa quan niệm của Saint Simon (1760-1825), August Comte, người được coi là cha đẻ của Xã hội học (Sociologie) đã đưa ra học thuyết phát triển ba giai đoạn của xã hội loài người. Theo đó, sự biến đổi cấu trúc xã hội diễn ra tương ứng với các giai đoạn phát triển của xã hội từ giai đoạn thần bí đến giai đoạn siêu hình và cuối cùng đến giai đoạn thực chứng tương ứng với xã hội công nghiệp.

Mặc dù đánh giá cao sự tài tình, sự sắc sảo và sự vĩ đại của Saint Simon, Fourier và những nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa khác về lịch sử xã hội loài người, nhưng Marx và Engels đều chỉ rõ một số hạn chế của các quan niệm này. Hạn chế lớn nhất là các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng đã buộc phải tạo ra từ đầu óc của họ những yếu tố của một

xã hội mới mà xã hội cũ lúc bấy giờ chưa có những yếu tố đó⁴.

Từ góc độ tiếp cận khoa học duy vật về lịch sử xã hội Marx và Engels đã chỉ ra cơ sở vật chất, điều kiện vật chất với các biểu hiện cụ thể là các điều kiện kinh tế, điều kiện lao động, sản xuất, sinh hoạt của sự biến đổi cấu trúc xã hội, biến đổi xã hội và tiến trình phát triển của xã hội. Về nội dung và phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa duy vật lịch sử, Engels đã viết rõ là cấu trúc xã hội - giai cấp bị quy định bởi việc con người sản xuất ra cái gì, như thế nào và trao đổi các sản phẩm ra sao; do vậy cần phải tìm nguồn gốc, nguyên nhân của sự biến đổi cấu trúc xã hội trong lĩnh vực kinh tế, sản xuất, kinh doanh của xã hội⁵. Từ góc độ duy vật lịch sử, Engels đã chỉ rõ sự biến đổi xã hội và cấu trúc xã hội đều bắt nguồn từ biến đổi trong lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật: “Từ khi hơi nước và những máy công cụ mới biến công trường thủ công cũ thành đại công nghiệp thì những lực lượng sản xuất được tạo ra dưới sự điều khiển của giai cấp tư sản đã phát triển nhanh chưa từng thấy và với một quy mô chưa từng có”⁶.

Biến đổi cấu trúc giai cấp trong lịch sử xã hội

Về sự biến đổi xã hội nói chung và biến đổi cấu trúc xã hội - giai cấp nói riêng, Marx và Engels đã phân tích một số hình thức biến đổi trên các cấp độ từ vi mô đến vĩ mô. Trên cấp độ vi mô đó là sự biến đổi quá trình lao động và vị thế, vai trò xã hội của người lao động. Trên cấp độ trung mô đó là sự biến đổi cấu trúc tổ chức và thiết chế lao động, biến đổi cấu trúc nghề nghiệp. Trên cấp độ vĩ mô đó là sự biến đổi cấu trúc các mối quan hệ xã hội giữa các giai cấp, gọi ngắn gọn là sự biến đổi cấu trúc xã hội - giai cấp, cụ thể là của xã hội tư bản chủ nghĩa lúc bấy giờ. Marx và Engels đã phân tích rõ các biến đổi cấu trúc xã hội trên từng cấp độ như sau:

Một là biến đổi cấu trúc xã hội vi mô: biến đổi quá trình lao động của con người. Lao động làm

* Viện XHH - Học viện CTQG Hồ Chí Minh

thuê trước kia là một ngoại lệ và là một nghề làm thêm thì sau đó trở thành thông lệ, phổ biến và là hình thức cơ bản của nền sản xuất. Trước kia lao động làm thuê là công việc phụ thì sau đó trở thành hoạt động duy nhất của người công nhân.

Hai là, cũng trên cấp độ vi mô, đã xảy ra sự biến đổi vị thế và vai trò xã hội của người lao động. Người công nhân rơi vào hoàn cảnh kinh tế xã hội buộc họ phải nắm giữ vị thế làm thuê trong phân công lao động xã hội và trong hệ thống kinh tế - xã hội. Họ trở thành người lao động làm thuê, thành người làm thuê lấy tiền công, tiền lương từ người thuê mướn họ không phải trong một thời gian tạm thời mà trong thời gian dài liên tục, làm thuê suốt đời. “Người công nhân làm thuê tạm thời trở thành người công nhân làm thuê suốt đời”⁷.

Ba là biến đổi ở cấu trúc xã hội trung mô biểu hiện ở biến đổi cấu trúc ngành nghề. Lực lượng lao động làm thuê trong công nghiệp, dịch vụ tăng lên không ngừng và lực lượng lao động nông nghiệp tức nông dân giảm đi. Mà ngay cả nông dân cũng biến thành công nhân nông nghiệp. Điều này thể hiện rõ sự biến đổi của toàn bộ cấu trúc xã hội: đa số lực lượng lao động của xã hội trước kia là lao động nông nghiệp, đa số là nông dân thì trong xã hội hiện đại đa số lực lượng lao động đã trở thành công nhân làm thuê cho giai cấp tư sản.

Bốn là biến đổi cấu trúc xã hội vĩ mô: biến đổi cấu trúc các quan hệ xã hội trong lao động. Xuất hiện mâu thuẫn giai cấp thậm chí là xung đột giai cấp, đối kháng giai cấp. Điều này xảy ra một cách tất yếu, khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan và ý thức của cá nhân thành viên của giai cấp. “Mâu thuẫn giữa sản xuất xã hội và sự chiếm hữu tư bản chủ nghĩa biểu hiện ra thành sự đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản”⁸. Chính mâu thuẫn này được Marx và Engels coi là động lực của sự biến đổi xã hội, biến đổi cấu trúc xã hội và phát triển xã hội, sự biến đổi có tính chất cách mạng từ xã hội tư bản chủ nghĩa sang xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Cấu trúc 2 giai cấp đối lập của xã hội tư sản

Marx và Engels cho rằng cấu trúc xã hội được duy trì bằng chế độ bóc lột và bạo lực giai cấp lẫn lượt trải qua các giai đoạn từ chế độ nô lệ sang chế độ nông nô đến chế độ lao động làm thuê. Một cách tương ứng là sự biến đổi xã hội của nhà nước chủ nô thời cổ sang xã hội của nhà nước quý tộc phong kiến thời trung cổ đến xã hội của nhà nước của giai cấp

tư sản trong xã hội hiện đại⁹. Marx và Engels chỉ ra rằng chính sự phản công lao động là cơ sở cho sự phân chia giai cấp trong xã hội và sự phát triển của tư liệu sản xuất, sự phát triển kinh tế, chính trị và tinh thần sẽ đến lúc buộc phải phá tung những xiềng xích của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và đưa đến một xã hội mới không còn áp bức, bóc lột giai cấp, tức là một cấu trúc xã hội không giai cấp thống trị và không giai cấp bị trị, tức là sự biến đổi cấu trúc giai cấp của xã hội sẽ đi đến chỗ không còn giai cấp trong xã hội tương lai.

Trong bản “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản” xuất bản lần đầu năm 1848 Karl Marx và Friedrich Engels đã chỉ ra một đặc điểm của thời đại giai cấp tư sản thế kỷ XIX là đã đơn giản hóa những đối kháng giai cấp, tức là đơn giản hóa cấu trúc giai cấp của xã hội tư sản lúc bấy giờ thành cấu trúc 2 giai cấp thù địch, đối lập nhau. “Xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch với nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản” trong xã hội tư sản¹⁰.

Nhưng bản Tuyên ngôn năm 1848 chưa định nghĩa rõ giai cấp tư sản là gì và giai cấp vô sản là gì. Phải 40 năm sau, trong lần xuất bản tác phẩm này bằng tiếng Anh năm 1888, Engels mới đưa ra định nghĩa về hai giai cấp này trong mục 1 của chú thích ở cuối phần I “Tư sản và vô sản”. Năm 1888 Engels định nghĩa nguyên văn như sau: “Giai cấp tư sản là giai cấp những nhà tư bản hiện đại, những người sở hữu tư liệu sản xuất xã hội và sử dụng lao động làm thuê. Giai cấp vô sản là giai cấp những công nhân làm thuê hiện đại, vì mất các tư liệu sản xuất của bản thân, nên buộc phải bán sức lao động của mình để sống”.

Định nghĩa này cho thấy tiêu chuẩn hàng đầu, cơ bản và quan trọng nhất để xác định cấu trúc 2 giai cấp thống trị và giai cấp bị trị trong xã hội tư sản thế kỷ XIX là mối quan hệ với tư liệu sản xuất, tức là vấn đề “sở hữu tư liệu sản xuất xã hội” và gắn liền với nó là tiêu chuẩn về quan hệ với “lao động làm thuê”. Cấu trúc xã hội - 2 giai cấp đối lập nhau tồn tại trong suốt chiều dài lịch sử xã hội loài người kể từ khi xã hội có sự phân chia giai cấp cho đến “ngày nay”, tức là đến cuối thế kỷ XIX.

2. Thuyết cấu trúc - chức năng về giai cấp trong thời kỳ quá độ sang chủ nghĩa xã hội thế kỷ XX

Lenin đã phát triển một cách sáng tạo học thuyết Marx nói chung và lý thuyết mâu thuẫn về cấu trúc xã

hội - giai cấp nói riêng vào đầu thế kỷ XX. Như Marx và Engels đã chỉ ra, cấu trúc 2 giai cấp đối lập của xã hội tư sản thế kỷ XIX bao gồm cả xã hội Nga trước cách mạng tháng Mười năm 1917. Tuy nhiên, cấu trúc xã hội - 2 giai cấp đối kháng này đã bị thủ tiêu ngay sau khi giai cấp vô sản đứng lên đánh đổ giai cấp tư sản giành được chính quyền và bắt đầu xây dựng xã hội mới, khi đó tất yếu xuất hiện cấu trúc giai cấp của xã hội mới như đã xảy ra trên thực tế ở nước Nga sau Cách mạng tháng Mười năm 1917. Thực tế là ở nước Nga xô viết lúc bấy giờ không còn cấu trúc 2 giai cấp đối lập nhau như trong xã hội cũ - xã hội tư sản hoặc xã hội phong kiến nữa mà xuất hiện cấu trúc giai tầng của xã hội mới. Vậy cần phải hiểu giai cấp và cấu trúc xã hội - giai cấp ở xã hội mới, một xã hội quá độ lên chủ nghĩa xã hội như thế nào?

Chỉ hai năm sau Cách mạng tháng Mười, vào năm 1919, Lenin đã sớm nắm bắt được yêu cầu và những điều kiện chín muồi để vận dụng và phát triển sáng tạo khái niệm giai cấp làm cơ sở lý luận cho việc xây dựng cấu trúc giai cấp của xã hội mới, xã hội Xô viết. Điều này thể hiện rõ trong tác phẩm “Sáng kiến vĩ đại” do Lenin viết và cho xuất bản vào tháng 7 năm 1919 nói về chủ nghĩa anh hùng của công nhân ở hậu phương, nhân câu chuyện những “ngày thứ bảy cộng sản” đăng trên báo chí ở nước Nga Xô viết lúc bấy giờ. Trong tác phẩm này Lenin đã đưa ra định nghĩa nổi tiếng về giai cấp, cần được trích nguyên văn như sau:

“Người ta gọi là giai cấp, những tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận) đối với tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và như vậy là khác nhau về cách thức hưởng thụ và về phần của cải xã hội ít hoặc nhiều mà họ được hưởng. Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này thì có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, do chỗ các tập đoàn đó có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định”¹.

Trong định nghĩa này, Lenin xác định rõ giai cấp là những tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về năm tiêu chuẩn lần lượt là:

- (i) Địa vị của họ trong hệ thống sản xuất nhất định,
- (ii) Quan hệ của họ đối với tư liệu sản xuất,
- (iii) Vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội,

(iv) Cách thức hưởng thụ của cải mà họ được hưởng,

(v) Phần của cải mà họ được hưởng.

Như vậy là cùng với tiêu chuẩn định lượng là “tập đoàn to lớn” và tiêu chuẩn định tính là “sở hữu tư liệu sản xuất” đã từng biết từ định nghĩa giai cấp của Marx và Engels, Lenin đã bổ sung một số tiêu chuẩn mới, cơ bản, quan trọng, đồng thời Lenin đổi mới trật tự ưu tiên của các tiêu chuẩn này.

Tiêu chuẩn “sở hữu tư liệu sản xuất xã hội” trước kia được coi là tiêu chuẩn hàng đầu thì từ đây trở đi đã nhường chỗ cho tiêu chuẩn “địa vị”.

Tiêu chuẩn “Địa vị của họ trong hệ thống sản xuất nhất định” là tiêu chuẩn được Lenin xếp vào vị trí hàng đầu trong việc xác định giai cấp. Tiêu chuẩn này cơ bản, quan trọng đến mức chỉ cần khác nhau về địa vị trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định là đủ để làm cho giai cấp này chiếm đoạt, bóc lột lao động của giai cấp khác. Với việc nhấn mạnh tiêu chuẩn “địa vị” như vậy có thể thấy Lenin đã phát triển sáng tạo quan điểm cấu trúc - chức năng về giai cấp và về cấu trúc giai tầng xã hội. Trong một xã hội mới hoàn toàn có thể có nhiều tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về năm tiêu chuẩn vừa nêu và do vậy xã hội đó có cơ cấu giai cấp gồm nhiều giai cấp trong đó giai cấp này vẫn có thể bóc lột, chiếm đoạt lao động của các giai cấp khác do chỗ các tập đoàn đó có địa vị khác nhau trong hệ thống kinh tế - xã hội nhất định. Đây thực sự là một tầm nhìn xa trông rộng của Lenin khi sớm chỉ ra được căn nguyên của tình trạng bất công, bóc lột giai cấp trong một xã hội mới ngay khi xã hội mới đó vừa được khởi công xây dựng.

Định nghĩa về giai cấp của Lenin là “sáng kiến vĩ đại” trong việc phát triển thuyết mâu thuẫn về cấu trúc xã hội phù hợp với bối cảnh lịch sử xã hội của nước Nga Xô viết nơi giai cấp tư sản đã bị lật đổ và do vậy không còn tình cảnh giai cấp vô sản không có tư liệu sản xuất và bắt buộc phải bán sức lao động đi làm thuê cho giai cấp tư sản. Việc có nhiều tiêu chuẩn xác định “Giai cấp” như Lenin đã chỉ ra vào năm 1919 chứng tỏ rằng trong xã hội mới của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, cấu trúc giai cấp không còn đơn giản hóa gồm hai giai cấp thống trị và giai cấp bị trị cùng các tầng lớp trung gian như trong xã hội cũ kiểu phong kiến hay tư bản chủ nghĩa. Mà cấu trúc giai cấp của xã hội mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là cấu trúc giai cấp nhiều thành phần phong phú, đa dạng, phức tạp. chứ không

phải đơn giản là xã hội chỉ có hai giai cấp đối kháng nhau như “giai cấp nông dân” và “giai cấp địa chủ” đặc trưng cho xã hội phong kiến, “giai cấp vô sản” và “giai cấp tư sản” đặc trưng cho xã hội tư bản chủ nghĩa. Cấu trúc xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội một mặt đã biến đổi thành cấu trúc xã hội gồm nhiều giai tầng xã hội, nhiều thành phần kinh tế xã hội của cả chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Mặt khác, cấu trúc xã hội đã biến đổi từ 2 giai cấp đối kháng nhau thành cấu trúc xã hội - nhiều giai tầng xã hội vừa hợp tác vừa đấu tranh với nhau do khác nhau thậm chí mâu thuẫn nhau về địa vị trong hệ thống kinh tế - xã hội.

Vấn đề vận dụng thuyết cấu trúc - chức năng về giai cấp

Cần nghiên cứu và vận dụng sáng tạo lý thuyết cấu trúc của Lenin về giai cấp và cấu trúc giai tầng xã hội để chủ động giải thích và xây dựng cấu trúc giai cấp của xã hội mới ở Việt Nam¹² như Báo cáo Đại hội VI đã chỉ ra vào năm 1986. Trên thực tế ở nước ta hiện nay một số sách kể cả sách giáo khoa, giáo trình và chuyên khảo khi bàn về giai cấp ở nước ta đều trích dẫn quan điểm của chủ nghĩa Marx - Lenin về giai cấp, nhưng có lẽ cần phân tích đầy đủ, kỹ lưỡng hơn nữa. Các sách này thường nhấn mạnh tiêu chuẩn “sở hữu tư liệu sản xuất” và xem nhẹ các tiêu chuẩn khác, nhất là xem nhẹ tiêu chuẩn “địa vị trong hệ thống kinh tế - xã hội” mà Lenin đặc biệt coi trọng và đặt lên vị trí hàng đầu khi nhận diện giai cấp và đánh giá cấu trúc giai cấp. Cần vận dụng cách tiếp cận lý thuyết cấu trúc - chức năng của Lenin về giai cấp để có thể giải thích và đấu tranh có hiệu quả với một thực tế là trong xã hội hiện đại vẫn có những “tập đoàn to lớn” mặc dù không sở hữu tư liệu sản xuất mà chỉ nắm giữ địa vị lãnh đạo, quản lý tư liệu sản xuất xã hội ví dụ doanh nghiệp hay tư bản, tài chính nhưng vẫn bóc lột được sức lao động của các “tập đoàn to lớn” khác. Do vậy, để phòng và chống bóc lột giai cấp trong thời kỳ quá độ, cần nghiên cứu và vận dụng quan điểm của Lenin về tăng cường thực hiện quản lý, kiểm soát bằng pháp luật, bằng kỷ luật lao động, bằng kiểm kê, kiểm soát từ trên xuống, từ dưới lên và nhất là kiểm soát của nhân dân đối với các hành động của các giai cấp, giai tầng xã hội. Nói cách khác, cần phải học quản lý nhất là học tập cách lãnh đạo, quản lý xã hội dựa trên tri thức khoa học, công nghệ tiên tiến của nhân loại để quản lý lao động xã hội, lao động của các giai cấp, giai

tầng xã hội nhằm nâng cao năng suất lao động xã hội. Bởi vì, như Marx, Engels và Lenin đều nhấn mạnh, xét đến cùng năng suất lao động mới là cái quan trọng nhất, chủ yếu nhất quyết định sự phát triển của một xã hội mới. Chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội có nghĩa là năng suất lao động cao hơn (so với năng suất lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa) của những người lao động tự nguyện, tự giác, liên hợp với nhau, sử dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật hiện đại¹³. Đồng thời, cần vận dụng lý thuyết của Lenin vào nghiên cứu, lý giải tại sao trong xã hội công nghiệp phát triển ngày nay hay còn gọi là xã hội hậu công nghiệp, xã hội hậu hiện đại, đã xuất hiện những giai tầng mới có tên gọi mới ví dụ như “giai tầng dịch vụ” (the service class) và “giai tầng sáng tạo” (the creative class). Mà tỉ trọng những giai tầng này ngày càng tăng lên trong cấu trúc giai tầng xã hội trong khi giai cấp công nhân (the working class) càng giảm và giai cấp nông dân trở thành một thiểu số chiếm tỉ trọng rất nhỏ bé trong cấu trúc xã hội của xã hội hậu công nghiệp, xã hội dịch vụ, xã hội hậu hiện đại, xã hội tri thức, “xã hội sáng tạo”.

3. Biến đổi cấu trúc giai tầng của xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới

Biến đổi cấu trúc lao động theo loại hình kinh tế

Theo cách tiếp cận lý thuyết cấu trúc của Lenin, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tất yếu hình thành và phát triển cấu trúc nhiều thành phần kinh tế - xã hội phức tạp. Bảng 1 cho biết cấu trúc lao động theo 5 thành phần kinh tế, trong đó tỉ trọng thành phần “cá thể” lớn nhất, chiếm đa số 77.8% vào năm 2013 và tương đối ổn định trong thời gian qua. Thành phần “tập thể” chiếm tỉ trọng rất nhỏ bé và còn giảm từ 0.5% xuống còn 0.2% trong giai đoạn 2009-2013. Thành phần “tư nhân” tăng nhẹ và đạt 8.4% năm 2013. Thành phần “nhà nước” tương đối ổn định và đạt 10.2% năm 2013 và thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng tăng nhẹ và chiếm 3.4% vào năm 2013.

Trong cấu trúc 5 thành phần kinh tế này, thành phần “nhà nước” được coi là đóng vai trò chủ đạo và cùng với thành phần “tập thể” tuy chiếm tỉ trọng vô cùng bé nhỏ, nhưng có lẽ theo cơ chế quan liêu bao cấp nên vẫn được xác định là nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Cả 5 thành phần kinh tế này về mặt lý thuyết đều được coi là bình đẳng trong tham gia kinh tế thị trường và cùng phát triển (xem *bảng 1*).

Bảng 1. Số lượng và cấu trúc lao động chia theo loại hình kinh tế

	2009		2011		2013	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tổng số	47 999,4	100,0	50 352,0	100,0	52 207,8	100,0
Cá thể	37 716,8	78,6	39 163,6	77,8	40 597,9	77,8
Tập thể	226,5	0,5	137,9	0,3	124,4	0,2
Tư nhân	3 864,8	8,0	4 099,8	8,1	4369,4	8,4
Nhà nước	4 793,7	10,0	5 250,7	10,4	5 330,4	10,2
FDI	1 397,6	2,9	1 700,1	3,4	1 785,7	3,4

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng cục Thống kê. *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2013*. Hà Nội. 2014. Tr. 28.

Biến đổi cấu trúc lao động theo vị thế việc làm

Theo định nghĩa của Lenin về giai cấp, tiêu chí hàng đầu để xác định giai cấp là địa vị của họ trong hệ thống kinh tế xã hội và sau đó mới đến các tiêu chí khác. Cuộc điều tra lao động việc làm của Tổng cục thống kê cho biết cấu trúc “vị thế việc làm” của lực lượng lao động Việt Nam năm 2009 - 2013. Do vậy, qua các số liệu đó có thể thấy tỉ trọng giai tầng “chủ cơ sở sản xuất kinh doanh” giảm đi từ 4,8% năm 2009 xuống còn 2,5% năm 2013; giai tầng “xã viên” hợp tác xã cũng giảm và chiếm tỉ trọng nhỏ bé đến mức gần như không đáng kể (bảng 2). Trong khi đó, tỉ trọng các giai tầng còn lại đều tăng. Nhưng trong cấu trúc giai tầng xã hội về “vị thế việc làm” này, giai tầng “làm công ăn lương” tức là “lao động làm thuê” chỉ chiếm một phần ba và tăng dần qua các năm. Từ các số liệu như vậy có thể dự báo: cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường tỉ trọng giai tầng “làm công ăn lương” sẽ tăng lên nhiều nữa, đồng thời giai tầng “chủ cơ sở” tức là “người sử dụng lao động” cũng tăng tương ứng nhưng giai tầng “tự làm” mà phần đông là nông dân sẽ giảm đi. Trong sự biến đổi cấu trúc xã hội giai tầng theo vị thế việc làm này xuất hiện vấn đề bất bình đẳng giới thể hiện ở tỉ trọng nữ chiếm dưới một phần ba trong số các “chủ cơ sở sản

xuất kinh doanh” trong khi nữ chiếm đa số, tới 64% trong “lao động gia đình” (bảng 2).

Cấu trúc lao động theo nghề nghiệp

Theo thuyết chức năng của Florida, giai tầng sáng tạo là tập đoàn người có chức năng nghề nghiệp là tạo ra những cái mới, tri thức mới, sản phẩm mới và công nghệ mới có giá trị và ích lợi đối với con người và xã hội. Ở các nước công nghiệp phát triển cao như Hoa Kỳ¹⁴, tỉ trọng giai tầng sáng tạo chiếm trên 30%, giai tầng dịch vụ chiếm trên 43%, giai tầng công nhân chiếm 26% và còn lại là giai tầng nông dân vào năm

Bảng 2. Biến đổi cấu trúc lao động theo vị thế việc làm

	2009		2011		2013	
	Tổng số	% nữ	Tổng số	% nữ	Tổng số	% nữ
Vị thế việc làm						
Tổng số	100,0	48,7	100,0	48,2	100,0	48,6
Chủ cơ sở	4,8	32,6	2,9	30,7	2,5	29,5
Tự làm	44,6	51,1	43,9	48,8	45,5	49,6
Lao động gia đình	16,9	64,1	18,6	64,7	17,2	64,0
Làm công ăn lương	33,4	40,1	34,6	40,0	34,8	41,1
Xã viên	0,1	29,5	0,0	39,6	0,0	33,1

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng cục Thống kê. *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2013*. Hà Nội. 2014. Tr. 29.

1999. Ở Việt Nam, có thể coi “các nhà lãnh đạo” thuộc giai tầng “các nhà chuyên nghiệp sáng tạo” và “lao động chuyên môn kỹ thuật bậc cao” thuộc giai tầng “cốt lõi siêu sáng tạo” của “giai tầng sáng tạo” nói chung. Năm 2013 “giai tầng sáng tạo” với hai thành phần này chỉ chiếm chưa đến 7% trong tổng số hơn 52 triệu lao động có việc làm ở Việt Nam (bảng 3).

Bảng 3. Số lượng và cấu trúc nghề nghiệp của lao động có việc làm năm 2013

Tổng số	Số lượng người	Tổng số	Nam	Nữ	% nữ
	52 207,8	100,0	100,0	100,0	48,6
1. Các nhà lãnh đạo	551,0	1,1	1,6	0,5	24,4
2. CMKT bậc cao	2 968,4	5,7	5,2	6,2	52,6
3. CMKT bậc trung	1 698,6	3,3	2,9	3,7	54,8
4. Nhân viên	881,5	1,7	1,8	1,6	45,5
5. Dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán hàng	8 461,8	16,2	11,6	21,0	63,1
6. LĐ có kỹ thuật trong nông, lâm và NN	6 280,4	12,0	13,3	10,6	43,0
7. Thợ thủ công và các thợ khác có liên quan	6 274,5	12,0	16,4	7,4	29,8
8. Thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị	3 637,4	7,0	8,6	5,2	36,5
9. Lao động giản đơn	21 326,5	40,8	38,1	43,7	52,0
10. Khác (*)	127,6	0,2	0,4	0,1	11,1

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng cục Thống kê. *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2013*. Hà Nội. 2014. Tr. 24.

Tuy nhiên, không loại trừ khả năng trong các nghề nghiệp khác, ví dụ giai tầng “lao động có kỹ thuật trong nông, lâm, ngư nghiệp” có thể xuất hiện những người “ưu trội”, “vượt trội”, “chuyên gia chuyên nghiệp” và “cốt lõi siêu sáng tạo”. Trong khi chưa có số liệu thống kê chính xác và đầy đủ về điều này, có lẽ chỉ có thể dự báo là tỉ trọng giai cấp sáng tạo theo cách hiểu của Florida sẽ tăng lên cùng với sự phát triển kinh tế thị trường trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế thế giới và tiến bộ khoa học, công nghệ. Thành phần “lao động giản đơn” hiện nay vẫn chiếm tỉ trọng rất lớn, gần 41% nhưng đang trong xu thế giảm dần.

Tóm lại, có thể thấy sự phát triển của cách tiếp cận lý thuyết về cấu trúc xã hội từ thế kỷ XIX đến nay. Thuyết mâu thuẫn về giai cấp được vận dụng và phát triển sáng tạo thành thuyết cấu trúc, nhờ vậy có thể giúp mô tả và giải thích sự hình thành, phát triển cấu trúc giai cấp của xã hội mới như ở nước Nga Xô viết trước đây và ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, quá độ sang chủ nghĩa xã hội. Cách tiếp cận lý thuyết chức năng về giai tầng sáng tạo đã tính đến những biến đổi mới trong cấu trúc xã hội dưới tác động của khoa học, công nghệ trong kinh tế thị trường hiện đại. Do vậy, cách tiếp cận lý thuyết cấu trúc - chức năng có thể giúp giải thích sự hình thành, phát triển và biến đổi cấu trúc giai tầng ở xã hội tư sản hiện đại và đương đại trong bối cảnh của sự phát triển kinh tế tri thức, xã hội học tập và tiến đến nền kinh tế sáng tạo, xã hội sáng tạo. Tuy nhiên việc áp dụng các cách tiếp cận lý thuyết này đòi hỏi phải sáng tạo trong tư duy, nhận thức và phát triển hoạt động thống kê kinh tế - xã hội để có thể cung cấp số liệu chính xác, đầy đủ về các giai tầng trong cấu trúc xã hội. Ở Việt Nam đang hình thành và phát triển cấu trúc xã hội gồm nhiều giai tầng xã hội khác nhau về loại hình kinh tế, vị thế việc làm và nghề nghiệp. Trong đó, tỉ trọng lao động làm công ăn lương có xu hướng tăng, tỉ trọng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật bậc cao cũng tăng và tỉ trọng lao động giản đơn và lao động tự làm có xu hướng giảm đi. Cần tiếp tục thống kê đầy đủ, chính xác tình hình biến đổi cấu trúc giai tầng xã hội để có thể định hướng, lãnh đạo, quản lý sự phát triển cấu trúc giai tầng xã hội phù hợp với sự phát triển bền vững đất nước trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. □

Tài liệu tham khảo

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng cục Thống kê. Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2013. Hà Nội. 2014.
- Đảng cộng sản Việt Nam. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI.
- 1. Lê Ngọc Hùng. “Xã hội học Marx-Lenin (Qua nghiên cứu một số tác phẩm đầu tay của V.I. Lenin)”. Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn. Số 24. 2008. Tr. 41- 48.
- 2. Lê Ngọc Hùng. Lịch sử & lý thuyết xã hội học. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội. 2011;
Lê Ngọc Hùng. Lý thuyết xã hội học hiện đại. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội. 2013.
Lê Ngọc Hùng. Hệ thống, cấu trúc & phân hóa xã hội. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội. 2015.
- 3. Engels (1894). “Chống Duy-ring” trong Các Marx và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập. Tập 20. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội. 1994. Tr. 361. Theo Engels, Fourier đã phê phán mạnh mẽ các hình thức tư sản của những mối quan hệ bất bình đẳng giữa nam giới và nữ giới và là người đầu tiên đã tuyên bố rằng trong một xã hội nhất định, trình độ giải phóng phụ nữ là cái thước đo tự nhiên của sự giải phóng chung.
- 4. Engels (1894). Sđd. Tr. 368.
- 5. Engels (1894). Sđd. Tr. 371.
- 6. Engels (1894). Sđd. Tr. 372.
- 7. Engels (1894). Sđd. Tr. 377.
- 8. Engels (1894). Sđd. Tr. 377.
- 9. Engels (1894). Sđd. Tr. 389.
- 10. K. Marx - F. Engels (1848). “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản”, trong Các Marx và Ph.Ăngghen. Toàn tập. Tập 4. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội. 1995. Trong tác phẩm này Marx và Engels phân biệt tám loại chủ nghĩa xã hội (CNXH) cụ thể là “CNXH phản động”, “CNXH phong kiến”, “CNXH thày tu”, “CNXH tiểu tư sản”, “CNXH Đức hay CNXH chân chính”, “CNXH bảo thủ”, “CNXH tư sản”. “CNXH và chủ nghĩa cộng sản không tương”, nhưng chưa sử dụng thuật ngữ “Chủ nghĩa tư bản”.
- 11. V.I. Lenin (1919). Sáng kiến vĩ đại (nói về chủ nghĩa anh hùng của công nhân ở hậu phương, nhân câu chuyện “Ngày thứ bảy cộng sản”) trong V.I. Lenin. Toàn tập. Tập 39. Nxb Tiến Bộ - Mát-xcơ-va. 1977. Tr. 17-18.
- 12. Lê Ngọc Hùng. “Vận dụng quan điểm của V.I. Lenin về thời kỳ quá độ trong đường lối đổi mới của Đảng ta”. Tạp chí Lý luận chính trị. Số 4. 2015. Tr. 53 -59.
- 13. V.I. Lenin (1919). Sđd. Tr. 25.
- 14. Richard Florida (2002). The rise of the creative class. New York: Basic Books. 2004. Tr. 332.